

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI
THỊNH HƯNG 168**

CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI THỊNH HƯNG 168

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: THINH HUNG 168 TRADE DEVELOPMENT AND INVESTMENT CONSTRUCTION JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: THINH HUNG 168 ., JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0108360061

3. Ngày thành lập: 12/07/2018

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số nhà G3, Khu B, Tập thể Đại học Mỏ Địa Chất, tổ dân phố số 4, Phường Cổ Nhuế 2, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0948873663

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại	4662
2.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: - Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô theo tuyến cố định - Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi - Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng - Kinh doanh vận tải khách du lịch bằng xe ô tô	4932
3.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
4.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
5.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	4669
6.	Bán buôn tổng hợp	4690
7.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
8.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
9.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410
10.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
11.	Sản xuất xe có động cơ	2910
12.	Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe có động cơ và động cơ xe	2930
13.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác	7730
14.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722

15.	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh	4730
16.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
17.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
18.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
19.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
20.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
21.	Xây dựng nhà các loại	4100(Chính)
22.	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ	4210
23.	Phá dỡ	4311
24.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác (trừ hoạt động đầu giá)	4511
25.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh (trừ dược phẩm)	4772
26.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh	4773
27.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
28.	Bốc xếp hàng hóa	5224
29.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
30.	Sản xuất linh kiện điện tử	2610
31.	Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính	2620
32.	Sản xuất thiết bị truyền thông	2630
33.	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng	2640
34.	Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển	2651
35.	Sản xuất đồng hồ	2652
36.	Sản xuất thiết bị bức xạ, thiết bị điện tử trong y học, điện liệu pháp	2660
37.	Sản xuất thiết bị và dụng cụ quang học	2670
38.	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thể điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện	2710
39.	Sản xuất pin và ắc quy	2720
40.	Sản xuất dây cáp, sợi cáp quang học	2731
41.	Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác	2732
42.	Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại	2733
43.	Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng	2740
44.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610

45.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...)	5621
46.	Lập trình máy vi tính	6201
47.	Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính)	2817
48.	Sản xuất dụng cụ cầm tay chạy bằng mô tơ hoặc khí nén	2818
49.	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn	3311
50.	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
51.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
52.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
53.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (Trừ dược phẩm)	4649
54.	Sản xuất đồ điện dân dụng	2750
55.	Sản xuất thiết bị điện khác	2790
56.	Sản xuất động cơ, tua bin (trừ động cơ máy bay, ô tô, mô tô và xe máy)	2811
57.	Sản xuất thiết bị sử dụng năng lượng chiết lưu	2812
58.	Sản xuất máy bơm, máy nén, vòi và van khác	2813
59.	Sản xuất bi, bánh răng, hộp số, các bộ phận điều khiển và truyền chuyển động	2814
60.	Sản xuất lò nướng, lò luyện và lò nung	2815
61.	Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp	2816
62.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
63.	Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp	2821
64.	Sản xuất máy công cụ và máy tạo hình kim loại	2822
65.	Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng	2824
66.	Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng	3250
67.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
68.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
69.	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)	3315
70.	Sửa chữa thiết bị khác	3319
71.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
72.	Xây dựng công trình công ích	4220
73.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4290
74.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
75.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
76.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí	4322

77.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
78.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	6209
79.	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan	6311
80.	Cổng thông tin	6312
81.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất (trừ hoạt động đấu giá) Chi tiết: - Dịch vụ tư vấn bất động sản - Dịch vụ quản lý bất động sản - Dịch vụ quảng cáo bất động sản	6820
82.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
83.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
84.	Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống)	4512
85.	Hoạt động tư vấn quản lý	7020
86.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan	7110
87.	Quảng cáo	7310
88.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	7320
89.	Cho thuê xe có động cơ	7710
90.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác (trừ hoạt động đấu giá)	4513
91.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
92.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (trừ hoạt động đấu giá)	4530
93.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
94.	Vệ sinh nhà cửa và các công trình khác	8129
95.	Dịch vụ đóng gói	8292
96.	Giáo dục nghề nghiệp Chi tiết: Dạy nghề	8532
97.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục	8560
98.	Sản xuất thân xe có động cơ, rơ moóc và bán rơ moóc	2920
99.	Bán mô tô, xe máy (trừ hoạt động đấu giá)	4541
100.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy (trừ hoạt động đấu giá)	4543
101.	Tái chế phế liệu	3830
102.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771

103.	Bán lẻ hàng hóa đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh (trừ hoạt động đấu giá)	4774
104.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (trừ hoạt động đấu giá)	4791
105.	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật	7120
106.	Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi	9511
107.	Sửa chữa thiết bị liên lạc	9512
108.	Đại lý, môi giới, đấu giá Chi tiết: Đại lý, môi giới (không bao gồm môi giới chứng khoán, bảo hiểm, bất động sản và môi giới hôn nhân có yếu tố nước ngoài, hoạt động đấu giá)	4610
109.	Bán buôn gạo	4631
110.	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh	4751
111.	Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh	4763
112.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh	8299
113.	Bán buôn thực phẩm	4632
114.	Bán buôn đồ uống	4633
115.	Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép	4641
116.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
117.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
118.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
119.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
120.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661

6. Vốn điều lệ: 3.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	NGUYỄN VĂN THIỆP	Thôn Lưu Đồn, Xã Thụy Hồng, Huyện Thái Thụy, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	150.000	1.500.000.000	50,000	151506718	
			Tổng số	150.000	1.500.000.000	50,000		
2	NGUYỄN THỊ THƠM	Thôn Ân Phú, Xã Phú Lâm, Huyện Tiên Du, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	60.000	600.000.000	20,000	125192446	
			Tổng số	60.000	600.000.000	20,000		
3	NGUYỄN MINH ĐỨC	Thôn An Lạc, Xã An Dục, Huyện Quỳnh Phụ, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	90.000	900.000.000	30,000	151614885	
			Tổng số	90.000	900.000.000	30,000		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: NGUYỄN VĂN THIỆP

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 19/08/1985

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 151506718

Ngày cấp: 05/05/2009

Nơi cấp: Công an tỉnh Thái Bình

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Lưu Đồn, Xã Thụy Hồng, Huyện Thái Thụy, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Thôn Lưu Đồn, Xã Thụy Hồng, Huyện Thái Thụy, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội

